

Số: 43 /2024/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 165/TTr-STC ngày 26 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

3. Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung Khoản 5 và Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước Đắk Nông;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (HT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại tỉnh Đắk Nông theo quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân công, phân cấp nhiệm vụ cho Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa (Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo Quy định này.

2. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Căn cứ nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong trường hợp cần thiết theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá đối với các hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

PHÂN CÔNG THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN VỀ BÌNH ỔN GIÁ, ĐỊNH GIÁ, KÊ KHAI GIÁ, KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 4. Bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh được Chính phủ phân công tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá.

2. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tổ chức triển khai bình ổn giá và báo cáo kết quả bình ổn giá đối với trường hợp bình ổn giá tại phạm vi địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công tại Phụ lục số II kèm theo Quyết định này tổ chức thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá. Việc tổ chức thẩm định phương án giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Việc trình văn bản định giá thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định phương án giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở quản lý ngành lĩnh vực trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm nghiên cứu cho ý kiến về chuyên môn đối với phương án giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định để Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá theo quy định.

2. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 6. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá, cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định kỳ trước ngày 25 tháng 01 hàng năm, cơ quan tiếp nhận kê khai giá căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn và lập danh sách tổ chức kinh doanh để đưa vào Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát tổng thể, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách kê khai giá; đăng tải danh sách kê khai giá, đồng thời thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và gửi Bộ Tài chính để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì cơ quan tiếp nhận kê khai giá rà soát Danh sách kê khai giá bổ sung gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ các trường hợp thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 33 Luật Giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được phân công tại Quy định này để kịp thời rà

soát, đánh giá tính hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá, cung cầu hàng hoá, dịch vụ nhằm nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hoá, dịch vụ để xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện các giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá cho phù hợp.

Điều 8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quy định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Sở, Ban, ngành mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức cá nhân có liên quan trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường

1. Sở Tài chính

a) Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh với Bộ Tài chính theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Thông tư số

ĐẠI
NG.

29/2024/TT- BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường để nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp điều hành giá theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu, gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC và các quy định, văn bản chỉ đạo.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ thu thập giá thị trường, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ về Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC và đột xuất theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

Điều 10. Danh mục hàng hoá thực hiện thu thập thông tin và cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường.

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo danh mục hàng hoá cụ thể sau đây và giá hàng hoá, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất của cơ quan có thẩm quyền:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá có mã số 01.001, 01.002, 01.017, 02.001, 02.002 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Sở Xây dựng: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá có mã số từ 03.001 đến 03.003 và từ 03.015 đến 03.018 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Công Thương: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường các hàng hoá có mã số từ 03.004 đến 03.014 và mã số 03.019 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Y tế: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ có mã số 04.001 và mã số 04.002 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT- BTC.

đ) Sở Giao thông vận tải: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ có mã số 05.001 đến 05.004 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ có mã số từ 06.001 đến 06.003 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ có mã số 06.004 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ có mã số từ 01.001 đến 03.019 và 05.001, 05.002 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC thuộc phạm vi quản lý.

2. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp và gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi có yêu cầu.

Điều 11. Hình thức, thời gian gửi báo cáo giá thị trường

1. Hình thức gửi báo cáo

a) Giao Sở Tài chính tổng hợp báo cáo của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xây dựng báo cáo giá cả thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hàng hoá dịch vụ theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC, báo cáo Bộ Tài chính theo hình thức quy định tại Điều 9 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện gửi báo cáo cho Sở Tài chính theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử); đồng thời cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Đắc Nông, mục “Báo cáo giá thị trường” hoặc phương thức khác tương hợp báo cáo đột xuất.

c) Các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này thực hiện gửi báo cáo theo đường văn bản hành chính, điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử); trường hợp chưa có điều kiện gửi theo đường văn bản hành chính, điện tử thì thực hiện gửi văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp tại các cơ quan tiếp nhận.

2. Thời gian chốt số liệu và gửi báo cáo giá thị trường

a) Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu thập số liệu, chốt số liệu và lập báo cáo giá thị trường tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và báo cáo đột xuất theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC (mẫu báo cáo theo Phụ lục IV, danh mục hàng hoá báo cáo theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

b) Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 01 tháng tiếp theo liền kề với tháng báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 tháng đầu tiên của quý liền kề đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và thực hiện theo yêu cầu của Sở Tài chính đối với báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tỉnh Đắk Nông theo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm gửi Bộ Tài chính trước ngày 03 tháng tiếp theo đối với báo cáo tháng; trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý liền kề đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, năm và thực hiện báo cáo đột xuất đảm bảo kịp thời theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Quản lý, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Đắk Nông; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Đắk Nông đảm bảo Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hoạt động thông suốt.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật về giá.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp phần mềm và các Sở, Ban, ngành có liên quan trong việc hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

d) Bảo đảm an toàn cho hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

đ) Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông về kỹ thuật công nghệ thông tin, xử lý vướng mắc của các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; kịp thời bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

e) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với:

- Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;
- Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;
- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;
- Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá;
- Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.
- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống, quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã được cấp.

b) Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để được hỗ trợ. Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

c) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với:

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan, đơn vị mình chủ trì tham mưu;

- Giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh do cơ quan, đơn vị mình tiếp nhận kê khai;

- Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do cơ quan, đơn vị mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan, đơn vị mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

a) Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống, quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã được cấp.

b) Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để được hỗ trợ. Thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

c) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với:

- Giá kê khai hàng hóa, dịch vụ.

- Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền quyết định giá của tổ chức, cá nhân.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm



triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I:

**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN THAM MƯU CHO
UBND TỈNH QUY ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

(Kèm theo Quyết định số **43** /2024/QĐ-UBND ngày **20** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
II	Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này tham mưu ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đối với những hàng hóa, dịch vụ chưa được Bộ, ngành Trung ương ban hành.	Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực.
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
IV	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương

2/



Phụ lục II:

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ TRÌNH UBND TỈNH BAN HÀNH VĂN BẢN ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số **43** /2024/QĐ-UBND ngày **20** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá	Thẩm quyền, hình thức định giá
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý. - Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do cấp huyện quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý. - Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do cấp huyện quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý. - Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng do cấp huyện quản lý.	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa
4	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá	Thẩm quyền, hình thức định giá
5	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
6	Nước sạch	- Sở Xây dựng thực hiện đối với nước sạch sinh hoạt đô thị; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đối với nước sạch sinh hoạt nông thôn.	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
7	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
8	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
9	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá	Thẩm quyền, hình thức định giá
10	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Ủy ban nhân dân tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ.
11	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá
12	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
13	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
14	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá	Thẩm quyền, hình thức định giá
15	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.
16	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
17	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
18	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá	Thẩm quyền, hình thức định giá
19	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa
20	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể
21	Các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành